

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH L Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 413/2026/DS-PT
Ngày: 23/4/2026
V/v Bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hùng
Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 218/TLPT-DS ngày 19/3/2026 về việc “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2026/ DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 378/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Văn C, sinh năm: 1956: vắng mặt;

1.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960: có mặt.

Cùng địa chỉ: Số C, ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

Đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị H.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn C sinh năm: 1965: có đơn xin vắng mặt;

2.1. Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm: 1970: có đơn xin vắng mặt;

Địa chỉ: Số H, ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1978: vắng mặt;

3.2. Ông Lê Thanh C, sinh năm 1979: vắng mặt;

3.3. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1985: vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số C, ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:*

Vợ chồng bà H, ông C đứng tên quyền sử dụng đất thửa 169 và thửa 170 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh L) đất có nguồn gốc do cha mẹ để lại sử dụng từ năm 1978. Năm 2016, Ủy ban nhân dân xã T có chủ trương cho người dân có nhà ở phía dưới kênh hùn tiền để làm đường bê tông (đường đan) để đi lại cho thuận tiện và sạch sẽ. Gia đình nguyên đơn đồng ý cho đổ đường đan ngang 8 tấc, khi đổ đường xong, vợ chồng bị đơn là ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Hoàng O tự ý cho xe Hoa L chạy lên xuống chở dừa trên đường đan này, ông C còn có thêm 01 xe bù ngang khoảng 1m – 1,2m dùng để chở củi, lá dừa và chở cỏ hàng ngày chạy lên xuống đường đan. Bà H, ông C không cho ông C dùng xe Hoa L và xe bù chạy hư đường đan nên chỉ đồng ý cho xe mô tô hai bánh lưu thông thì vợ chồng ông C chửi vợ chồng bà H, ông C chửi lời lẽ khó nghe và thách thức đến chính quyền. Ông C cho rằng đường đi này là của Nhà nước nên xe Hoa L có quyền chạy có gì ông C chịu trách nhiệm.

Ngoài ra, năm 2012, ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Hoàng O tự ý kéo đường dây điện từ Huyện L về tới nhà ông C dài 61m, đi ngang qua đất của gia đình bà H, nguyên đơn có ngăn cản nhưng ông C cho rằng đất của Nhà nước. Việc ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Hoàng O cho xe Hoa L chạy trên đất và tự ý kéo đường dây điện trên đất của gia đình bà H là hành vi trái pháp luật là xâm phạm tài sản và quyền lợi hợp pháp nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới bồi thường do xe ba bánh (xe Hoa L) chạy trên đất làm sạt lở đất, gây thiệt hại mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) từ năm 2016 tính đến tháng 4/2023 với số tiền là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Yêu cầu ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới bồi thường do kéo đường dây điện qua trên đất cản trở gây thiệt hại mất thu nhập mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) từ năm 2012 tính đến tháng 4/2023 với số tiền là 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng).

Tổng cộng 342.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng)

Quá trình tố tụng, bị đơn là ông Lê Văn C trình bày: Ông C và vợ là bà Nguyễn Thị Hoàng O đứng tên quyền sử dụng đất thửa 68, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh L). Gia đình ông C và nhiều gia đình khác có sử dụng chung đường đan ngang khoảng 08 tấc dài khoảng 170m để đi ra Huyện L, đây là đường đi công cộng nhân dân cùng làm và đất do Nhà nước quản lý. Đường đi này nằm ngoài thửa đất 169 và thửa 170 tờ bản đồ số 2 do hộ ông Lê Văn C đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời, trên thửa đất 68 do vợ chồng ông C đứng tên quyền sử dụng đất và thửa đất 169, 170 trước đây do hộ ông C đứng tên quyền sử dụng đất có đường dây điện nằm trên khoảng không song song với đường đi chung, đường dây điện này nằm ngoài thửa đất 169, 170 của hộ ông C, đường dây điện do nhiều hộ sử dụng trong đó có hộ ông Lê Văn C, ông C, bà O không tự kéo đường dây

diện để phục vụ riêng cho gia đình mà đường dây điện này nhiều hộ dân cùng sử dụng chung.

Nay ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà O bồi thường số tiền 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng) do kéo đường dây điện từ huyện L về tới nhà đi ngang qua đất của ông C, bà H và yêu cầu bồi thường số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) do xe ba bánh (xe Hoa L) chạy trên đất làm sạt lở đất, gây thiệt hại là hoàn toàn vô lý vì từ trước đến nay gia đình ông C, bà O không có sử dụng xe ba bánh (xe Hoa L) và xe bù như lời trình bày của nguyên đơn, đường dây điện do nhiều hộ dân cùng sử dụng nên không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O thống nhất với lời trình bày của ông Lê Văn C không có trình bày bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/ DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh L đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do xe chạy làm sạt lở đất với số tiền là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng);

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do kéo đường dây điện qua đất làm cản trở gây thiệt hại mất thu nhập số tiền là 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng).

Tổng cộng 342.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 02 năm 2026, nguyên đơn là Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Về tố tụng, do bị đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là con của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H do bị đơn cho xe chạy làm sạt lở đất số tiền 144.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do kéo đường dây điện qua đất làm cản trở gây thiệt hại mất thu nhập số tiền là 198.000.000 đồng. Tổng cộng 342.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là bản photo biên bản hòa giải ngày 08/12/2022 của UBND xã T. Về thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện là do bà H ước tính nếu bà H trồng 15 cây dừa trên phần đất ngang 0,8m, dài 60m có nguồn gốc của gia đình bà H, hiện trạng đang là đường đan.

Bị đơn Lê Văn C, Nguyễn Thị Hoàng O có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận bởi các lý do sau:

Tranh chấp trong vụ án là quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015.

Để phát sinh trách nhiệm bồi thường phải có đủ các yếu tố: Có hành vi trái pháp luật, có thiệt hại thực tế, có lỗi, có quan hệ nhân quả và tài sản bị xâm phạm phải thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của người yêu cầu bồi thường.

Trong vụ án này, nguyên đơn không chứng minh được những yếu tố này.

Tuyến đường đang tranh chấp là đường đi chung, không phải tài sản riêng của nguyên đơn theo tài liệu do UBND xã cung cấp thể hiện: Tuyến đường dài khoảng 170m nối từ Huyện L đến kênh D phục vụ nhu cầu đi lại của nhiều hộ dân, đi qua nhiều thửa đất của nhiều hộ khác nhau, hiện trạng đường và đường dây điện nằm cạp ranh thửa đất, không nằm giữa thửa đất như nguyên đơn trình bày, đồng thời tuyến đường đã hình thành ổn định từ lâu, phục vụ lợi ích công cộng.

Tại thời điểm phát sinh yêu cầu bồi thường, nguyên đơn không còn quyền sử dụng đất hợp pháp vì theo hồ sơ thể hiện: Thửa đất số 170 tờ bản đồ số 02 đã bị UBND huyện thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đo đạc chính quy, thửa 169, 170 chuyển thành thửa 70, 237 tờ bản đồ số 07, thửa 237 nguyên đơn đã chuyển nhượng cho người khác.

Như vậy, tại thời điểm phát sinh tranh chấp yêu cầu bồi thường: Quyền sử dụng đất của nguyên đơn đối với phần đất liên quan không còn giá trị pháp lý đầy đủ. Nguyên đơn không còn quyền sử dụng đất hợp pháp thì không có quyền yêu cầu bồi thường do xâm phạm quyền sử dụng đất.

Đồng thời không tồn tại hành vi trái pháp luật của bị đơn: Vì bị đơn chỉ sử dụng tuyến đường đi chung, kéo điện theo tuyến đường hiện hữu, không lấn chiếm đất, không thay đổi hiện trạng. Do đó, không có hành vi trái pháp luật theo Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015, nên không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường.

Nguyên đơn cho rằng tài sản của mình bị xâm phạm, tuy nhiên tài sản đó không còn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn tại thời điểm phát sinh tranh chấp; đồng thời tuyến đường là đường đi chung phục vụ lợi ích nhiều hộ dân, không phải tài sản riêng của nguyên đơn. Bị đơn không có hành vi trái pháp luật nên không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường.

Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ pháp luật. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/DS-ST ngày 23/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh L.

Về án phí DSPT: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn Lê Văn C có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt được người kháng cáo đồng ý xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/10/2025 (BL82), có sự chứng kiến và ký tên xác nhận của bà Nguyễn Thị H, thể hiện phần đất đường đi và đường điện sử dụng chung của người dân và đường dây điện nằm trên không của phần đường đi. Tại Quyết định số 3598/QĐ- UBND ngày 23/10/2020 (BL89), Ủy ban nhân dân huyện T đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 170 diện tích 1350m² mục đích sử dụng trồng cây lâu năm được cấp cho hộ ông Lê Văn C do giấy chứng nhận cấp không đúng diện tích và chủ sử dụng đất. Theo công văn số 1107/UBND-VP ngày 31/10/2024 của UBND xã Đ xác định “Hiện trạng đường đi và đường dây điện là cặp ranh thửa 170, tờ bản đồ số 02 (số liệu đo đạc 299)...” (BL 87). Theo Hòa đồng kèm theo bản án dân sự phúc thẩm số 281/2017/DS-PT ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn Lê Văn C, Nguyễn Thị H và bị đơn Lê Văn C, Nguyễn Thị Hoàng O cũng thể hiện thửa 170 đã được đổi thành thửa 70, diện tích 1.245,8m² có tiếp giáp đường DH4 và đường đất (BL133). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thừa nhận quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản án dân sự phúc thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật và đường đất theo hòa đồng thể hiện đã được đồ đạc và sử dụng chung cho các hộ dân. Về thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện cũng do bà H chỉ ước tính nếu trồng 35 cây dừa trên phần đường đan ngang 0,8m dài 60m sẽ bị thiệt hại như yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo nêu, nhưng thực tế, không có cây trồng và thiệt hại như bà H tự tính. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cung cấp bản photo biên bản hòa giải ngày 08/12/2022 của UBND xã T với nội dung cũng chỉ ghi nhận ý kiến và yêu cầu của bà H không được ông Lê Văn C chấp nhận (BL39). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng ngoài lời trình bày, nguyên đơn không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng cứ chứng minh có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần đường đi và các thiệt hại thực tế cũng như

hành vi vi phạm, mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế với hành vi có lỗi do bị đơn gây ra nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ cơ sở pháp lý và đánh giá chứng cứ như đã nhận định trên, kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở để được chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà H là người cao tuổi nên được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/ DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh L.

Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 13, khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do xe chạy làm sạt lở đất với số tiền là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và yêu cầu ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do kéo đường dây điện qua đất làm cản trở gây thiệt hại mất thu nhập số tiền là 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng). Tổng cộng 342.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn Nguyễn Thị H do là người cao tuổi.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh L;
- TAND khu vực 9 -Vĩnh L;
- VKSND khu vực 9- Vĩnh L;
- THADS tỉnh Vĩnh L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Triệu Hữu